

Số: /QĐ-UBND

Cẩm Phả, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 6 trường
trung học cơ sở Chu Văn An, năm học 2026-2027

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CẨM PHẢ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT);

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT); Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GD&ĐT quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 885/SGDDT-GDPT ngày 24/3/2026 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn tuyển sinh lớp 1 và lớp 6 năm học 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND phường Cẩm Phả về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh THCS năm học 2026-2027 trên địa bàn phường Cẩm Phả;

Xét Tờ trình số 316/TTr-THCSCVA ngày 09/6/2026 của trường THCS Chu Văn An về việc đề nghị công nhận danh sách học sinh trúng tuyển lớp 6 trường THCS Chu Văn An, năm học 2026-2027 và đề nghị của phòng Văn hóa - Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 315 học sinh trúng tuyển vào lớp 6 trường THCS Chu Văn An, năm học 2026 -2027 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trường THCS Chu Văn An niêm yết danh sách học sinh trúng tuyển có tên tại Điều 1 tại bảng tin của nhà trường và thông báo công khai trên các phương tiện truyền thông, đồng thời hướng dẫn cho phụ huynh học sinh làm thủ tục nhập học theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng phòng Xây dựng, Nông Nghiệp và Môi trường; Hiệu trưởng trường THCS Chu Văn An và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Sở GD&ĐT Quảng Ninh (báo cáo) ;
- TT: Đảng ủy, HĐND phường (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND phường;
- Các trường TH, THCS trực thuộc;
- Lưu VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Dương

DANH SÁCH

Học sinh trúng tuyển vào lớp 6 trường trung học cơ sở Chu Văn An, năm học 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

/6/2026 của UBND phường Cẩm Phả)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
1	Đào Như Hoàng An	18/02/2015	Nam	Kinh	Hung Yên	Tiểu học Cẩm Sơn	8,5	0,5	7,45	16,45
2	Đình Thái An	17/08/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	9,275	19,28
3	Đỗ Bảo An	24/05/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0,5	7,15	17,65
4	Kiều Tú An	18/01/2015	Nữ	Kinh	TP. Hà Nội	Tiểu học Phan Bội Châu	9,5	0	6,95	16,45
5	Lê Ngọc An	02/12/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	6,7	16,7
6	Nguyễn Bảo An	30/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	6,9	16,9
7	Nguyễn Đức An	30/06/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	8,125	18,13
8	Nguyễn Hải An	14/07/2015	Nam	Kinh	Bắc Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	7,45	17,45
9	Nguyễn Phú An	18/01/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,725	16,73
10	Nguyễn Thành An	10/03/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,975	17,98
11	Phạm Bảo An	31/05/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	6,575	16,58
12	Phạm Bình Bảo An	01/10/2015	Nữ	Kinh	Nghệ An	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	8,7	18,7
13	Phạm Thái An	12/06/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Bái Tử Long	10	0,5	7,4	17,9

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
14	Phan Thị Hoài An	14/01/2015	Nữ	Kinh	Hung Yên	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0,5	6,525	17,03
15	Bùi Huyền Anh	14/05/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	9,5	0	8,05	17,55
16	Cao Bùi Yến Anh	02/07/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	8,675	18,68
17	Đinh Diệp Bảo Anh	06/10/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	6,4	16,4
18	Đinh Minh Ngọc Anh	10/11/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Bái Tử Long	10	0,5	7,825	18,33
19	Đinh Nhật Anh	22/11/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	6,75	16,75
20	Đỗ Phương Anh	13/08/2015	Nữ	Sán Dìu	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	6,8	16,8
21	Hà Ngọc Trâm Anh	11/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Võ Thị Sáu	10	0	7,3	17,3
22	Hoàng Bảo Anh	16/08/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,6	16,6
23	Hoàng Trúc Anh	13/11/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	MN-TH Hội nhập Quốc tế iSchool Cẩm Phả	9,5	0,5	6,475	16,48
24	Khổng Quang Anh	22/10/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	7,7	17,7
25	Lê Hạ Anh	07/12/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	MN-TH Hội nhập Quốc tế iSchool Cẩm Phả	10	0,5	7,375	17,88
26	Lưu Quỳnh Anh	03/12/2015	Nữ	Sán Dìu	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	9	0	8,175	17,18
27	Ngô Phạm Mỹ Anh	14/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	6,6	16,6
28	Nguyễn Cao Huyền Anh	22/08/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	9,5	0	8,375	17,88

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
29	Nguyễn Đức Anh	05/02/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	7,925	17,93
30	Nguyễn Đức Anh	11/03/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,6	17,6
31	Nguyễn Hà Anh	28/09/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	6,7	16,7
32	Nguyễn Hoàng Anh	11/11/2015	Nam	Kinh	Hung Yên	TH và THCS Quang Hanh	10	0	8,7	18,7
33	Nguyễn Khả Anh	20/11/2015	Nam	Kinh	Bắc Ninh	TH và THCS Bái Tử Long	10	0	6,75	16,75
34	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	06/03/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	6,5	16,5
35	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	02/02/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	MN-TH Hội nhập Quốc tế iSchool Cẩm Phả	10	0,5	7,8	18,3
36	Nguyễn Phương Anh	18/04/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,6	17,6
37	Nguyễn Quỳnh Anh	09/02/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0,5	6,85	17,35
38	Nguyễn Tuệ Anh	28/05/2015	Nữ	Kinh	TP.Hà Nội	MN-TH Hội nhập Quốc tế iSchool Cẩm Phả	10	0,5	6,525	17,03
39	Nguyễn Thùy Anh	02/11/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	6,65	16,65
40	Nguyễn Thùy Anh	14/10/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0,5	7,45	17,95
41	Nguyễn Thùy Anh	01/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,1	17,1
42	Nguyễn Trần Thiện Anh	09/03/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	7,225	17,23
43	Nguyễn Vũ Vinh Anh	13/03/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	7,7	17,7

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
44	Phạm Vũ Minh Anh	01/12/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	7,55	17,55
45	Phan Bảo Anh	13/11/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	9,5	0	7,0	16,5
46	Tổng Gia Anh	08/09/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	MN-TH Hội nhập Quốc tế iSchool Cẩm Phả	10	0,5	6,325	16,83
47	Trần Bảo Anh	12/03/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,95	16,95
48	Trần Kim Anh	09/09/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	9,5	0	8,55	18,05
49	Trần Phương Anh	03/05/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	6,975	16,98
50	Trịnh Bảo Anh	22/02/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	8,5	18,5
51	Vũ Ngọc Mỹ Anh	15/04/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0	8,0	18,0
52	Vũ Quỳnh Anh	03/12/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0,5	7,4	17,9
53	Phan Thị Ngọc Ánh	22/09/2015	Nữ	Kinh	Hung Yên	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,6	17,6
54	Trần Hoàng Bách	19/09/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Bái Tử Long	10	0,5	6,925	17,43
55	Bùi Gia Bảo	06/04/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH, THCS và THPT Quốc Tế Song Ngữ Học Viện Anh Quốc - UK Academy	10	0	7,575	17,58
56	Đỗ Đức Bảo	22/10/2015	Nam	Kinh	Ninh Bình	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	8,475	18,48
57	Phạm Gia Bảo	10/11/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	9,5	1	6,6	17,1

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
58	Nguyễn Minh Bảo	18/03/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	6,7	16,7
59	Nguyễn Thái Bảo	09/02/2015	Nam	Kinh	Bắc Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0,5	8,25	18,75
60	Phạm Ngọc Bảo	10/02/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0,25	7,4	17,65
61	Phạm Thái Bảo	11/01/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0	7,25	17,25
62	Lê Thanh Bình	28/12/2015	Nam	Kinh	TP.Hải Phòng	TH và THCS Bái Tử Long	10	1,5	9,15	20,65
63	Nguyễn Minh Châu	01/05/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	8,5	18,5
64	Vũ Bảo Châu	31/07/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0	6,85	16,85
65	Đào Khánh Chi	01/05/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	7,0	17,0
66	Đỗ Linh Chi	09/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,35	16,35
67	Đường Yến Chi	05/02/2015	Nữ	Tày	TP.Hải Phòng	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,4	17,4
68	Hồ Phương Chi	19/08/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	7,15	17,15
69	Lê Khánh Chi	27/10/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	9,5	0	7,65	17,15
70	Nguyễn Hà Phương Chi	04/03/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0,5	7,25	17,75
71	Nguyễn Khánh Chi	31/03/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Võ Thị Sáu	10	0	6,5	16,5
72	Nguyễn Khánh Chi	23/12/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	MN-TH Hội nhập Quốc tế iSchool Cẩm Phả	10	0,5	7,075	17,58

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
73	Nguyễn Thùy Chi	08/12/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0,5	8,95	19,45
74	Phạm Quỳnh Chi	14/09/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	6,8	16,8
75	Vũ Phương Thảo Chi	25/07/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	9,5	0	8,825	18,33
76	Đỗ Nguyễn Trí Dũng	30/10/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,225	17,23
77	Nguyễn Anh Dũng	08/03/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	7,55	17,55
78	Trần Bảo Duy	26/07/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	8,0	18,0
79	Trần Văn Duy	10/05/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	9,5	0	7,45	16,95
80	Đặng Thái Dương	27/01/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	7,5	17,5
81	Nguyễn Đăng Dương	05/04/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	6,95	16,95
82	Tạ Linh Đan	06/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	7,925	17,93
83	Trần Linh Đan	16/04/2015	Nữ	Sán Dìu	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	7,925	17,93
84	Đặng Thành Đạt	03/04/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	7,75	17,75
85	Nguyễn Mậu Thành Đạt	26/12/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	7,5	17,5
86	Nguyễn Tiến Đạt	04/09/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	6,6	16,6
87	Phạm Tiến Đạt	23/06/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0,5	8,4	18,9
88	Vũ Huy Đạt	09/11/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,875	17,88

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
89	Bàng Hương Giang	10/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	7,6	17,6
90	Vũ Hương Giang	14/09/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,475	16,48
91	Chu Nguyễn Mai Hà	01/11/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	7,725	17,73
92	Doãn Trần Hải Hà	26/09/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	7,0	17,0
93	Đặng Ngân Hà	17/07/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	6,775	16,78
94	Nguyễn Vũ Khánh Hà	06/05/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Bái Tử Long	10	0	7,875	17,88
95	Vũ Thu Hà	26/10/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Trần Hưng Đạo	10	0	6,95	16,95
96	Nguyễn Bách Hán	10/03/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	7,6	17,6
97	Lâm Bảo Hân	06/09/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	7,65	17,65
98	Lê Bảo Hân	10/09/2015	Nữ	Hoa	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	9,125	19,13
99	Ngô Ngọc Hân	17/12/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	8,55	18,55
100	Nguyễn Ngọc Hân	18/10/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	7,25	17,25
101	Nguyễn Trần Bảo Hân	24/02/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Võ Thị Sáu	10	0	6,65	16,65
102	Vũ Ngọc Bảo Hân	01/10/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	8,25	18,25
103	Hà Duy Hiếu	31/10/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	8,15	18,15
104	Nguyễn Đức Hòa	04/12/2015	Nam	Kinh	Hung Yên	TH và THCS Quang Hanh	10	0	6,6	16,6

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
105	Nguyễn Thị Khánh Hòa	04/07/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	7,25	17,25
106	Đỗ Minh Hoàng	24/03/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	1	8,625	19,63
107	Đào Tuấn Hùng	04/05/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	6,5	16,5
108	Lê Gia Huy	27/11/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	7,25	17,25
109	Nguyễn Gia Huy	01/08/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	6,575	16,58
110	Nguyễn Minh Huy	28/04/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	7,3	17,3
111	Trương Gia Huy	18/04/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	1,5	8,0	19,5
112	Lương Quốc Hưng	23/02/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Bái Tử Long	9	0	8,1	17,1
113	Ngô Gia Hưng	18/09/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	9,05	19,05
114	Nguyễn Quang Hưng	22/10/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	9,5	0	8,75	18,25
115	Vũ Gia Hưng	24/07/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	1,5	9,125	20,63
116	Bùi Chí Kiên	08/04/2015	Nam	Kinh	TP.Hải Phòng	Tiểu học Cửa Ông	10	0	8,4	18,4
117	Phạm Chí Kiên	03/06/2015	Nam	Kinh	TP.Hà Nội	Tiểu học Cẩm Sơn	9	0	7,6	16,6
118	Phạm Chí Kiên	26/06/2015	Nam	Kinh	Hung Yên	TH và THCS Bái Tử Long	10	0	7,125	17,13
119	Cao Gia Kiệt	16/07/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,425	16,43
120	Nguyễn Minh Kiệt	27/01/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	7,3	17,3

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
121	Lê Viết Minh Khang	26/08/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0,5	6,25	16,75
122	Vũ Đình Khang	14/08/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	7,25	17,25
123	Phạm Vi Khanh	13/10/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	7,5	17,5
124	Lê Bảo Khánh	09/03/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	8,05	18,05
125	Nguyễn Huy Khánh	13/11/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	6,45	16,45
126	Nguyễn Ngọc Khánh	25/02/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0,5	8,0	18,5
127	Nguyễn Văn Nam Khánh	22/02/2015	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Tiểu học Cửa Ông	8,5	0	8,35	16,85
128	Nguyễn Vân Khánh	26/10/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0,5	8,95	19,45
129	Phạm An Khánh	09/12/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	7,65	17,65
130	Phạm Huy Khánh	30/11/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,4	17,4
131	Phạm Ngọc Khánh	02/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0,5	6,0	16,5
132	Vũ Nam Khánh	01/11/2015	Nam	Kinh	Phú Thọ	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	7,0	17,0
133	Hoàng Trọng Khôi	03/02/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	9,5	0,5	8,575	18,58
134	Vũ Anh Khôi	20/04/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	7,45	17,45
135	Lê Thành Lâm	19/10/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	9,5	0	6,9	16,4
136	Vũ Hải Lâm	22/06/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,15	17,15

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
137	Đoàn Phương Liên	25/07/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	7,95	17,95
138	Bùi Gia Linh	01/06/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	6,65	16,65
139	Chu Khánh Linh	24/02/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0,25	7,0	17,25
140	Đỗ Diệu Linh	12/04/2015	Nữ	Kinh	Hung Yên	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	6,9	16,9
141	Hoàng Diệu Linh	05/07/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0,25	8,125	18,38
142	Hoàng Ngọc Linh	17/05/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	8,025	18,03
143	Lý Bảo Linh	25/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0,5	8,675	19,18
144	Nguyễn Ngọc Phương Linh	06/03/2015	Nữ	Sán Dìu	Quảng Ninh	MN-TH Hội nhập Quốc tế iSchool Cẩm Phả	10	0,5	7,475	17,98
145	Nguyễn Nhật Linh	18/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	1	7,35	18,35
146	Trần Gia Linh	19/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	6,9	16,9
147	Trần Vũ Trúc Linh	01/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	6,4	16,4
148	Vũ Hoàng Linh	12/02/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0,5	7,65	18,15
149	Phạm Ngọc Loan	12/02/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	7,05	17,05
150	Nguyễn Bảo Long	20/01/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	6,5	16,5
151	Phan Khánh Ly	23/07/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	MN-TH Hội nhập Quốc tế iSchool Cẩm Phả	10	0,5	9,45	19,95

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
152	Hoàng Ngọc Mai	14/07/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	9	0	7,75	16,75
153	Lê Trương Trúc Mai	13/11/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	7,1	17,1
154	Đặng Quang Minh	04/05/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	6,65	16,65
155	Lê Đoàn Ngọc Minh	24/08/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	1	5,5	16,5
156	Lê Đức Minh	29/05/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0,5	6,5	17,0
157	Lương Anh Minh	14/10/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0	6,575	16,58
158	Ngô Anh Minh	29/01/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	6,6	16,6
159	Nguyễn Bình Minh	29/12/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0	8,825	18,83
160	Nguyễn Ngọc Minh	02/05/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Võ Thị Sáu	10	0,25	8,0	18,25
161	Nguyễn Vũ Nhật Minh	20/04/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	7,975	17,98
162	Phạm Quốc Minh	04/07/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	9,5	0	7,975	17,48
163	Tô Huy Tuấn Minh	02/07/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0	7,1	17,1
164	Trần Bảo Minh	01/10/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0,5	7,9	18,4
165	Trần Bảo Minh	05/08/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,55	16,55
166	Trần Bình Minh	09/05/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	9,225	19,23

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
167	Trần Lê Minh	23/04/2015	Nam	Kinh	TP.Hà Nội	MN-TH Hội nhập Quốc tế iSchool Cẩm Phả	10	0,5	6,575	17,08
168	Trần Quang Minh	05/02/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0,25	6,325	16,58
169	Vũ Thảo Minh	08/05/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,7	17,7
170	Nguyễn Khánh My	02/12/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,825	17,83
171	Nguyễn Quỳnh My	23/12/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0,25	6,45	16,7
172	Trần Ngọc My	16/11/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	7,25	17,25
173	Phạm Tuệ Mỹ	22/11/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	9,5	0	7,5	17,0
174	Hoàng Nhật Nam	07/06/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0,5	8,65	19,15
175	Nguyễn Ngọc Nam	07/04/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	9,5	0,5	7,9	17,9
176	Nguyễn Nhật Nam	18/08/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,2	17,2
177	Nguyễn Sơn Nam	21/06/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	1,5	7,3	18,8
178	Vũ Bảo Nam	28/02/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0,5	6,1	16,6
179	Vũ Nhật Nam	18/05/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0,5	8,675	19,18
180	Nguyễn Hải Ninh	21/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Võ Thị Sáu	10	0,25	7,65	17,9
181	Vũ Hồng Nga	06/01/2015	Nữ	Kinh	TP.Hà Nội	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0,25	6,25	16,5

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
182	Nguyễn Bảo Ngân	24/12/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	6,85	16,85
183	Nguyễn Hải Ngân	29/12/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Võ Thị Sáu	10	0	7,2	17,2
184	Trần Nguyễn Bảo Ngân	29/08/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,85	16,85
185	Vũ Bích Ngân	28/03/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	7,65	17,65
186	Nghiêm Đình Bảo Nghi	27/11/2015	Nữ	Kinh	TP.Hà Nội	MN-TH Hội nhập Quốc tế iSchool Cẩm Phả	10	0,5	7,5	18,0
187	Lăng Đại Nghĩa	21/04/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	MN-TH Hội nhập Quốc tế iSchool Cẩm Phả	9,5	0,5	7,0	17,0
188	Phạm Nguyễn Trọng Nghĩa	17/03/2015	Nam	Kinh	Hung Yên	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	8,65	18,65
189	Đình Lan Ngọc	19/11/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0,5	6,35	16,85
190	Hoàng Bảo Ngọc	26/07/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Võ Thị Sáu	10	0,25	7,75	18,0
191	Kiều Khánh Ngọc	14/11/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	8,1	18,1
192	Lâm Minh Ngọc	17/07/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,625	16,63
193	Nghiêm Huyền Ngọc	06/10/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0	7,475	17,48
194	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	14/02/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Võ Thị Sáu	10	0	6,725	16,73
195	Nguyễn Kim Ngọc	30/11/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	6,8	16,8
196	Nguyễn Khánh Ngọc	09/08/2015	Nữ	Kinh	Hung Yên	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,45	16,45

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
197	Nguyễn Võ Bảo Ngọc	02/03/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0	6,65	16,65
198	Phạm Khánh Ngọc	23/05/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Bái Tử Long	9,5	0	7,6	17,1
199	Phạm Minh Ngọc	01/04/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0	6,95	16,95
200	Trần Bích Ngọc	20/02/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	7,5	17,5
201	Vũ Yên Ngọc	01/05/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	9,5	0	7,15	16,65
202	Bùi Vũ Thảo Nguyên	15/05/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,2	17,2
203	Đàm Khôi Nguyên	15/01/2015	Nam	Sán Dìu	Quảng Ninh	MN-TH Hội nhập Quốc tế iSchool Cẩm Phả	10	0,5	6,4	16,9
204	Nguyễn Bảo Nguyên	04/02/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	7,025	17,03
205	Nguyễn Hoàng Thảo Nguyên	06/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	7,6	17,6
206	Bùi Đặng Uyên Nhi	15/03/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,5	16,5
207	Phạm Linh Nhi	19/08/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	7,175	17,18
208	Phạm Uyên Nhi	16/12/2015	Nữ	Kinh	TP.Hà Nội	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0,5	6,425	16,93
209	Phạm Yên Nhi	02/04/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	7,2	17,2
210	Vũ Tuệ Nhi	20/12/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	6,4	16,4
211	Đỗ Mai An Nhiên	18/08/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	7,65	17,65

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
212	Lương Hồng Nhung	22/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,25	17,25
213	Đỗ Thị Quỳnh Như	28/07/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	9,5	0	8,15	17,65
214	Lê Quỳnh Như	03/08/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	6,55	16,55
215	Đào Ngọc Oanh	06/05/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	7,05	17,05
216	Trần Liên Oanh	20/09/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	8,4	18,4
217	Nhâm Sỹ Phát	06/01/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0	6,825	16,83
218	Chu Hải Phong	30/01/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0,5	5,9	16,4
219	Đoàn Nguyên Phong	16/01/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	9,5	0	8,0	17,5
220	Hà Vũ Phong	31/03/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	6,95	16,95
221	Nguyễn Đức Phong	03/10/2015	Nam	Kinh	TP.Hà Nội	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	6,925	16,93
222	Nguyễn Nam Phong	14/01/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	1	7,8	18,8
223	Nguyễn Thế Nam Phong	30/04/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	6,55	16,55
224	Phạm Thanh Phong	02/02/2015	Nam	Kinh	TP.Hà Nội	Tiểu học Võ Thị Sáu	9,5	0	7,3	16,8
225	Trần Hải Phong	03/03/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	9	0	9,65	18,65
226	Đỗ Xuân Phúc	15/08/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	9,5	0	7,45	16,95
227	Khuong Quang Phúc	29/09/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	6,8	16,8

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
228	Vương Gia Phúc	08/04/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,6	16,6
229	Đỗ Thị Bích Phương	17/08/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,35	16,35
230	Trần Hà Phương	30/09/2015	Nữ	Kinh	Ninh Bình	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	6,9	16,9
231	Trần Thu Phương	13/06/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	1,5	8,45	19,95
232	Lương Tùng Quân	03/11/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,4	16,4
233	Nguyễn Hoàng Quân	21/10/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	9,5	0	7,375	16,88
234	Nguyễn Minh Quân	31/05/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0	6,5	16,5
235	Nhâm Minh Quân	20/11/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	9,5	0	7,9	17,4
236	Phạm Hồng Quân	24/09/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Võ Thị Sáu	10	0	8,65	18,65
237	Phạm Minh Quân	19/07/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	7,3	17,3
238	Phạm Vũ Hoàng Quân	22/08/2015	Nam	Kinh	Hưng Yên	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,75	16,75
239	Trần Minh Quân	17/08/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0	9,25	19,25
240	Đỗ Vũ Bảo Quyên	19/12/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	7,1	17,1
241	Trần Bảo Quyên	04/08/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	6,35	16,35
242	Nguyễn Khánh Quỳnh	02/09/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	8,25	18,25
243	Nguyễn Như Quỳnh	27/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Võ Thị Sáu	10	0,5	7,25	17,75

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
244	Nguyễn Hải Sơn	11/09/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Võ Thị Sáu	9,5	0,5	9,45	19,45
245	Nguyễn Minh Sơn	26/01/2015	Nam	Kinh	TP.Hà Nội	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	7,2	17,2
246	Nguyễn Quang Sơn	22/11/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Bái Tử Long	9	0	7,625	16,63
247	Hòa Phạm Minh Tâm	16/07/2015	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	TH và THCS Quang Hanh	10	0	7,4	17,4
248	Phạm Diệu Tâm	10/05/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	8,7	18,7
249	Ma Mộc Thảo Tiên	08/11/2015	Nữ	Tày	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	1	8,875	19,88
250	Phạm Đoàn Cát Tiên	23/04/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0,5	7,425	17,93
251	Trần Thủy Tiên	10/12/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,85	16,85
252	Nguyễn Minh Tiên	22/08/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	6,8	16,8
253	Đông Đức Tuấn	04/10/2015	Nam	Kinh	TP.Hải Phòng	TH và THCS Suối Khoáng	10	0,5	9,375	19,88
254	Nguyễn Mạnh Tuấn	18/11/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Bái Tử Long	10	0	7,75	17,75
255	Nguyễn Như Hoàng Tuấn	27/10/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	7,1	17,1
256	Phạm Minh Tuấn	05/02/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Bái Tử Long	10	0	7,1	17,1
257	Vũ Hoàng Anh Tuấn	28/01/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0,5	8,65	19,15
258	Vũ Minh Tuấn	08/06/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	6,6	16,6
259	Nguyễn Danh Minh Tùng	16/02/2015	Nam	Kinh	Hung Yên	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	7,3	17,3

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
260	Vũ Mạnh Tùng	01/06/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0,25	6,55	16,8
261	Đỗ Văn Thái	28/05/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0	7,1	17,1
262	Nguyễn Chí Thanh	02/04/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0,75	8,7	19,45
263	Hoàng Minh Thành	03/01/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Bái Tử Long	10	0	6,75	16,75
264	Lê Tiên Thành	28/10/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,6	16,6
265	Lâm Phương Thảo	28/06/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	7,175	17,18
266	Nguyễn Hà Phương Thảo	26/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,45	17,45
267	Nguyễn Phương Thảo	01/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Võ Thị Sáu	10	0	7,225	17,23
268	Trần Phương Thảo	04/02/2015	Nữ	Sán Diu	Quảng Ninh	Tiểu học Võ Thị Sáu	10	0	6,875	16,88
269	Trần Phương Thảo	23/02/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0	6,5	16,5
270	Trịnh Tâm Thảo	11/03/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0,25	8,05	18,3
271	Lê Thị Bảo Thi	08/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0	8,3	18,3
272	Nghiêm Thị Thu Thùy	21/01/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Bái Tử Long	10	0	9,4	19,4
273	Ngô Trần Phương Thủy	20/07/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	6,5	16,5
274	Hà Thị Mỹ Thư	04/08/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	8,075	18,08
275	Hoàng Thanh Thư	15/12/2015	Nữ	Kinh	Hải Phòng	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	8,25	18,25

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
276	Hoàng Trần Anh Thư	18/08/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	7,175	17,18
277	Lưu Hà Thư	10/09/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	6,625	16,63
278	Nguyễn Thị Hà Thư	03/09/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	MN-TH Hội nhập Quốc tế iSchool Cẩm Phá	10	1	6,175	17,18
279	Phạm Anh Thư	28/10/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0,5	6,8	17,3
280	Trần Minh Thư	13/10/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	6,55	16,55
281	Vũ Anh Thư	25/02/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	7,1	17,1
282	Quách Hương Trà	25/05/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	6,6	16,6
283	Vũ Thị Hương Trà	04/08/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	7,4	17,4
284	Lê Minh Trang	11/01/2015	Nữ	Kinh	Ninh Bình	TH và THCS Quang Hanh	10	0	7,85	17,85
285	Phạm Phương Trang	08/11/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0,5	7,625	18,13
286	Thạch Thiên Trang	18/03/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	7,925	17,93
287	Vũ Bảo Trâm	11/09/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,35	16,35
288	Vũ Ngọc Bảo Trâm	05/04/2015	Nữ	Kinh	Hung Yên	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	6,525	16,53
289	Phạm Quyết Trí	12/12/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	10	0	8,425	18,43
290	Phương Kim Anh Trí	13/11/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Phan Bội Châu	9,5	1	9,7	20,2

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
291	Bùi Đức Trung	13/03/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Võ Thị Sáu	10	0,25	6,4	16,65
292	Lại Hà Trung	22/01/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	8,1	18,1
293	Nghiêm Đức Trung	01/05/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0,5	9,5	20,0
294	Nguyễn Quốc Trung	07/12/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	6,95	16,95
295	Nguyễn Đạt Trường	23/08/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	6,85	16,85
296	Vũ Xuân Trường	03/01/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	7,55	17,55
297	Trần Mỹ Uyên	04/02/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0,25	7,625	17,88
298	Lê Trần Khánh Vân	10/04/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	6,55	16,55
299	Trần Nguyễn Khánh Vi	23/02/2015	Nữ	Kinh	TP.Hải Phòng	Tiểu học Phan Bội Châu	9,5	0,5	7,8	17,8
300	Vũ Tường Vi	12/12/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	9,5	0	6,95	16,45
301	Bùi Công Vinh	06/02/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	7,6	17,6
302	Nguyễn Quang Vinh	04/03/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0,25	8,125	18,38
303	Phạm Thành Vinh	28/05/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	6,6	16,6
304	Phạm Thế Vinh	19/08/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0,5	9,55	20,05
305	Nguyễn Hải Vương	27/02/2015	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	7,8	17,8
306	Đặng Nhã Khánh Vy	27/12/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	7,05	17,05

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh (Tỉnh/TP)	Hoàn thành Chương trình tiểu học tại trường	Tổng điểm học bạ	Điểm Khuyến khích	Điểm KT ĐGNL	Tổng điểm
307	Lục Hà Vy	04/11/2015	Nữ	Sán Diu	Quảng Ninh	Tiểu học Võ Thị Sáu	10	0	6,85	16,85
308	Lưu Phương Vy	06/07/2015	Nữ	Sán Diu	Quảng Ninh	TH và THCS Suối Khoáng	10	0,5	5,875	16,38
309	Ngô Hà Vy	26/08/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	TH và THCS Quang Hanh	10	0	8,95	18,95
310	Nguyễn Thảo Vy	03/06/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cửa Ông	10	0	7,55	17,55
311	Vũ Ngọc Tường Vy	11/04/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	9,5	0	7,1	16,6
312	Hoàng Như Ý	18/02/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Phả	10	0	8,225	18,23
313	Đỗ Hải Yến	07/04/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	6,425	16,43
314	Phạm Bảo Yến	07/04/2015	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Tiểu học Cẩm Sơn	10	0	7,875	17,88
315	Phạm Hải Yến	01/01/2015	Nữ	Kinh	TP. Hải Phòng	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	10	0	6,875	16,88

Danh sách có 315 học sinh./.